HTML && CSS Interview

1. HTML là gì?

HTML là viết tắt của **HyperText Markup Language** (Ngôn ngữ Đánh dấu Siêu văn bản). Đây là ngôn ngữ tiêu chuẩn được sử dụng để tạo và thiết kế tài liệu trên World Wide Web. HTML giúp cấu trúc nội dung trang web và cho phép chèn văn bản, hình ảnh, liên kết và các thành phần khác.

2. Thể HTML là gì?

Thẻ HTML là thành phần cơ bản của HTML, được sử dụng để tạo các phần tử và cấu trúc nội dung trên trang web. Thẻ HTML được đặt trong dấu ngoặc nhọn < >, ví dụ: để tạo một đoạn văn.

Hầu hết các thẻ đều có cặp, gồm thẻ mở và thẻ đóng .

👉 Để tìm hiểu thêm về các thẻ HTML, bạn có thể tham khảo bài viết này.

3. Cấu trúc cơ bản của một tài liệu HTML là gì?

Một tài liệu HTML có cấu trúc được xác định với các thành phần sau:

- <!DOCTYPE html>: Khai báo loại tài liệu và phiên bản HTML đang sử dụng.
- <html>: Phần tử gốc của tài liệu HTML.
- <head>: Chứa thông tin meta về tài liệu, chẳng hạn như tiêu đề và liên kết đến CSS.
- <title>: Xác định tiêu đề của trang, hiển thị trên thanh tiêu đề của trình duyệt.

• <body>: Chứa nội dung chính của trang web như văn bản, hình ảnh và các phần tử khác.

4. Sự khác biệt giữa thẻ và phần tử trong HTML là gì?

- Thẻ (Tag): Là cú pháp HTML dùng để xác định các phần tử. Các thẻ được đặt trong dấu < >, ví dụ: <div>.
- Phần tử (Element): Bao gồm một thẻ mở, nội dung và một thẻ đóng. Ví dụ: Đây
 là một đoạn văn.
 Đây là một phần tử đoạn văn.

5. Thuộc tính trong HTML là gì?

Thuộc tính cung cấp thông tin bổ sung cho phần tử HTML. Chúng được đặt trong thẻ mở và thường có dạng **tên="giá trị"**.

Ví dụ, trong đoạn mã sau:

```
<a href="https://www.example.com">Liên kết</a>
```

href là một thuộc tính xác định URL của liên kết.

6. Làm thế nào để tạo một liên kết (hyperlink) trong HTML?

Để tạo một liên kết, sử dụng thẻ <a> (anchor) với thuộc tính href để chỉ định URL:

```
<a href="https://www.example.com">Truy cập Example</a>
```

Thẻ này tạo ra một liên kết có nội dung hiển thị là "Truy cập Example" và khi nhấp vào sẽ dẫn đến https://www.example.com.

👉 Để tìm hiểu thêm, bạn có thể tham khảo bài viết về tạo hyperlink trong HTML.

7. Mục đích của thẻ trong HTML là gì?

Thẻ được sử dụng để nhúng hình ảnh vào tài liệu HTML. Đây là một thẻ tự đóng và yêu cầu thuộc tính src để xác định nguồn ảnh:

```
<img src="image.jpg" alt="Mô tả hình ảnh">
```

- src: Xác định đường dẫn đến tệp hình ảnh.
- alt: Cung cấp văn bản thay thế nếu hình ảnh không thể tải được.
- 👉 Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo bài viết về thẻ trong HTML.

8. Sự khác biệt giữa phần tử cấp khối (block-level) và phần tử nội tuyến (inline) trong HTML?

- Phần tử cấp khối (Block-level):
 - o Luôn bắt đầu trên một dòng mới.
 - o Chiếm toàn bộ chiều rộng có sẵn.
 - Ví du: <div>, , <h1> đến <h6>.
- Phần tử nội tuyến (Inline):
 - o Không bắt đầu trên một dòng mới.
 - o Chỉ chiếm không gian cần thiết.
 - Ví dụ: , <a>, .

9. Làm thế nào để tạo danh sách trong HTML?

HTML hỗ trợ hai loại danh sách chính:

• Danh sách có thứ tự (Ordered List): Tạo danh sách có số thứ tự bằng thẻ .

```
    >Muc 1
    Muc 2
    Muc 3
```

• Danh sách không có thứ tự (Unordered List): Tạo danh sách có dấu đầu dòng bằng thẻ .

```
            >Mục 1
            >Mục 2
            >Mục 3
```

10. Thẻ <form> trong HTML dùng để làm gì?

Thẻ <form> được sử dụng để tạo biểu mẫu HTML cho người dùng nhập dữ liệu. Biểu mẫu có thể chứa nhiều thành phần như ô nhập văn bản, hộp kiểm, nút radio và nút gửi.

Ví dụ về một biểu mẫu đơn giản:

```
<form action="/submit" method="post">
  <label for="name">Tên:</label>
  <input type="text" id="name" name="name">
        <input type="submit" value="Gửi">
  </form>
```

- action: Xác định URL nơi dữ liệu biểu mẫu sẽ được gửi đến.
- method: Phương thức gửi dữ liệu (get hoặc post).
- input type="text": Ô nhập văn bản.
- input type="submit": Nút gửi biểu mẫu.

11. Mục đích của thể
> là gì?

Thẻ

dược sử dụng để chèn một dòng ngắt (line break) trong văn bản, đưa nội dung sau thẻ xuống dòng mới. Đây là một thẻ trống (self-closing tag) và không cần thẻ đóng.

```
Ví dụ:
```

```
Control con
```

```
👉 Kết quả hiển thị:
```

Dòng đầu tiên.

Dòng thứ hai.

12. Làm thế nào để tạo một liên kết mở trong tab mới?

Để mở liên kết trong một tab mới, sử dụng thuộc tính target với giá trị blank:

```
<a href="https://www.example.com" target="_blank">Truy cập Example</a>
```

👉 Khi nhấp vào liên kết, trang sẽ mở trong một tab mới của trình duyệt.

13. Thẻ <title> dùng để làm gì?

Thẻ <title> xác định tiêu đề của tài liệu HTML, hiển thị trên thanh tiêu đề hoặc tab của trình duyệt. Thẻ này được đặt trong phần <head> của trang.

Ví du:

```
<head>
  <title>Trang Web của Tôi</title>
</head>
```

👉 Trình duyệt sẽ hiển thị "Trang Web của Tôi" trên tab của trang.

14. Làm thế nào để thêm comment trong HTML?

Comment trong HTML được thêm bằng cú pháp sau:

```
<!-- Đây là một comment -->
```

- Comment không hiển thị trên trình duyệt và chỉ dùng để ghi chú hoặc giải thích mã.
- Hữu ích khi tạm thời vô hiệu hóa một phần mã mà không cần xóa nó.

Ví dụ:

```
Đây là một đoạn văn.<!-- <p>Đoạn văn này bị ẩn -->
```

15. Mục đích của thẻ <meta> là gì?

Thẻ <meta> cung cấp **siêu dữ liệu (metadata)** về tài liệu HTML như **bộ ký tự, tác giả, mô tả, từ khóa**, v.v. Thẻ này được đặt trong phần <head> của trang.

Ví du:

```
<meta charset="UTF-8">
<meta name="author" content="Nguyễn Văn A">
<meta name="description" content="Trang web học lập trình HTML">
<meta name="keywords" content="HTML, lập trình web, học lập trình">
```

- charset="UTF-8": Xác định bộ mã ký tự của trang web.
- name="author": Chỉ định tác giả của tài liệu.
- name="description": Cung cấp mô tả trang web (quan trọng cho SEO).
- name="keywords": Định nghĩa các từ khóa liên quan đến nội dung trang.

✓ Tóm lại: Thẻ <meta> giúp công cụ tìm kiếm hiểu nội dung trang web và cải thiện SEO!

16. Làm thế nào để tạo một bảng trong HTML?

Một bảng được tạo bằng thẻ , trong đó:

- Hàng được xác định bằng thẻ .
- Ô dữ liệu được xác định bằng thẻ .
- Tiêu đề của bảng được xác định bằng thẻ .

```
    Tiêu đề 1
    Tiêu đề 2

    Tr>
```

Kết quả: Tạo bảng với hàng tiêu đề và một hàng dữ liệu.

17. Sự khác biệt giữa thẻ <head> và <body> là gì?

- **<head>**: Chứa thông tin về tài liệu HTML như tiêu đề, bộ ký tự, liên kết đến CSS, JavaScript, và thẻ meta.
- **<body>**: Chứa nội dung hiển thị trên trình duyệt như văn bản, hình ảnh, liên kết, biểu mẫu, v.v.

Ví dụ:

```
<html>
    <head>
        <title>Tiêu đề Trang</title>
    </head>
        <body>
            <h1>Xin chào!</h1>
        <body>
        </body>
        </body>
    </html>
```

18. Làm thế nào để chỉ định bộ mã ký tự cho một tài liệu HTML?

Bộ mã ký tự được chỉ định bằng thẻ <meta> trong phần <head>:

<meta charset="UTF-8">

V Lợi ích:

- UTF-8 hỗ trợ hầu hết các ngôn ngữ trên thế giới, bao gồm cả tiếng Việt.
- Giúp tránh lỗi hiển thị ký tự đặc biệt.

19. Thẻ được sử dụng để làm gì?

Thẻ được dùng để nhấn mạnh tầm quan trọng của văn bản, và trình duyệt sẽ hiển thị nó dưới dạng **chữ đậm**.

Ví du:

Dây là một đoạn văn quan trọng.

🚀 Kết quả: Đây là một đoạn văn quan trọng.

20. Làm thế nào để tạo một liên kết email trong HTML?

Để tạo một liên kết mở ứng dụng email mặc định của người dùng với một email mới, sử dụng mailto::

Gửi Email

Khi nhấp vào, trình duyệt sẽ mở ứng dụng email với địa chỉ nhận sẵn sàng!

21. Thẻ được sử dụng để làm gì?

Thẻ được dùng để **nhấn mạnh nội dung**, thường được trình duyệt hiển thị dưới dạng chữ nghiêng.

Ví du:

Dây là một đoạn văn với chữ nhấn mạnh.

🚀 **Kết quả:** Đây là một đoạn văn với chữ nhấn mạnh.

22. Làm thế nào để tạo một hộp kiểm (checkbox) trong HTML?

Hộp kiểm (checkbox) được tạo bằng thẻ <input> với thuộc tính type="checkbox":

```
<input type="checkbox" id="subscribe" name="subscribe">
<label for="subscribe">Đăng ký nhận bản tin</label>
```

👉 Khi nhấp vào Đăng ký nhận bản tin, hộp kiểm sẽ được chọn.

23. Mục đích của thẻ <label> là gì?

Thẻ <label> định nghĩa nhãn cho một phần tử <input>, giúp cải thiện khả năng truy cập và trải nghiệm người dùng.

- Khi nhấp vào văn bản của <label>, ô nhập tương ứng sẽ được chọn.
- Kết nối <label> với <input> bằng thuộc tính for, giá trị này phải trùng với id của <input>.

Ví dụ:

```
<label for="email">Email:</label>
<input type="email" id="email" name="email">
```

👉 Khi nhấp vào chữ **Email**, ô nhập cũng được kích hoạt!

24. Làm thế nào để tạo một danh sách thả xuống (dropdown) trong HTML?

Danh sách thả xuống được tạo bằng thẻ <select>, với mỗi tùy chọn được xác định bằng thẻ <option>.

Ví du:

```
<label for="fruits">Chọn một loại trái cây:</label>
<select id="fruits" name="fruits">
        <option value="apple">Táo</option>
        <option value="banana">Chuối</option>
        <option value="cherry">Anh đào</option>
</select>
```

🖋 Khi người dùng nhấp vào, danh sách sẽ hiển thị các tùy chọn để chọn.

25. Thẻ <blockquote> được sử dụng để làm gì?

Thẻ <blockquote> dùng để trích dẫn một đoạn văn từ nguồn khác. Trình duyệt thường hiển thị nó với **thụt lề** để phân biệt với nội dung khác.

Ví du:

```
<blockquote>
  "Thành công là một cuộc hành trình, không phải là điểm đến."
</blockquote>
```

👉 Kết quả: Văn bản sẽ được hiển thị với lề thụt vào so với nội dung thông thường.

Các Câu Hỏi Phỏng Vấn HTML Trung Cấp

26. Các phần tử HTML ngữ nghĩa (Semantic HTML elements) là gì?

Phần tử **HTML ngữ nghĩa** mô tả rõ ràng ý nghĩa của chúng theo cách dễ hiểu với cả **con người và máy tính**. Chúng giúp cải thiện **khả năng truy cập (accessibility)** và **SEO**.

Ví dụ về các phần tử ngữ nghĩa:

- <article>: Định nghĩa một bài viết độc lập.
- <section>: Chia nội dung thành từng phần có liên quan.
- <header>: Phần đầu trang hoặc phần đầu của một nội dung.
- <footer>: Chứa thông tin về tác giả, bản quyền, hoặc liên kết.
- <nav>: Chứa các liên kết điều hướng.

👉 Ví dụ:

💋 Lợi ích: Cải thiện cấu trúc trang web, dễ đọc hơn cho người dùng và công cụ tìm kiếm!

27. Làm thế nào để nhúng video trong HTML5?

HTML5 cung cấp thẻ <video> để nhúng video trên trang web.

• Cấu trúc cơ bản:

```
<video controls>
    <source src="video.mp4" type="video/mp4">
    Trình duyệt của bạn không hỗ trợ thẻ video.
</video>
```

Giải thích:

- controls: Hiển thị các nút điều khiển (play, pause, volume, v.v.).
- <source>: Xác định file video và định dạng của nó.
- Nội dung bên trong <video> sẽ hiển thị nếu trình duyệt không hỗ trợ.

28. Mục đích của thuộc tính alt trong thẻ <i mg> là gì?

Thuộc tính alt cung cấp **văn bản thay thế** cho hình ảnh khi:

- 1 Hình ảnh không tải được (do lỗi mạng hoặc sai đường dẫn).
- 2 Người dùng khiếm thị sử dụng trình đọc màn hình để hiểu nội dung ảnh.
- 3 Cải thiện SEO công cụ tìm kiếm sử dụng alt để hiểu nội dung hình ảnh.
- Ví du:

← Nếu ảnh không hiển thị, văn bản "Hình ảnh hoàng hôn trên biển" sẽ xuất hiện thay thế.

29. Thẻ <fieldset> trong biểu mẫu HTML được sử dụng để làm gì?

Thẻ <fieldset> dùng để **nhóm các phần tử liên quan trong một biểu mẫu**, giúp tổ chức nội dung tốt hơn.

Thẻ <legend> được sử dụng để đặt tiêu đề cho nhóm nội dung.

```
<form>
  <fieldset>
    <legend>Thông tin cá nhân</legend>
    <label for="name">Họ và tên:</label>
    <input type="text" id="name" name="name">
```

```
</fieldset>
</form>
```

💋 Lợi ích:

- Giúp biểu mẫu có cấu trúc rõ ràng hơn.
- Cải thiện trải nghiệm người dùng.

30. Mục đích của thẻ <noscript> trong HTML là gì?

Thẻ <noscript> cung cấp **nội dung thay thế** nếu trình duyệt **không hỗ trợ JavaScript** hoặc nếu **JavaScript bị tắt**.

Ví dụ:

```
<noscript>
  Trình duyệt của bạn không hỗ trợ JavaScript hoặc đã bị vô hiệu
hóa.
</noscript>
```

💋 Lợi ích:

- Giúp thông báo cho người dùng về việc JavaScript bị vô hiệu hóa.
- Cung cấp phương án thay thế khi cần thiết.

31. Làm thế nào để nhúng một file JavaScript vào tài liệu HTML?

Sử dụng thẻ <script> với thuộc tính src để liên kết đến tệp JavaScript bên ngoài:

Ví du:

```
<script src="script.js"></script>
```

👉 Lưu ý:

• Nên đặt thẻ <script> trước thẻ </body> để tối ưu tốc độ tải trang.

• Có thể dùng defer hoặc async để kiểm soát thời điểm tải script.

32. Sự khác biệt giữa thẻ và là gì?

- ** (Bold In đậm):** Dùng để **tạo hiệu ứng in đậm** cho chữ nhưng không mang ý nghĩa ngữ nghĩa.
- (Strong Importance Quan trọng): Dùng để nhấn mạnh nội dung quan trọng, trình đọc màn hình có thể đọc mạnh hơn.

Ví dụ:

```
Apyday là <byvăn bản in đậm</by.</p>
Dây là <strong>văn bản quan trọng</strong>.
```

∠ Lời khuyên: Nên dùng thay vì để cải thiện SEO và truy cập cho người khiếm thị.

33. Làm thế nào để tạo hộp nhập văn bản nhiều dòng trong biểu mẫu HTML?

Sử dụng thẻ <textarea> để tạo hộp nhập văn bản nhiều dòng.

Ví du:

```
<textarea name="message" rows="4" cols="50"></textarea>
```

Giải thích:

- rows: Số dòng hiển thị.
- cols: Số ký tự tối đa hiển thị trên mỗi dòng.

🚀 **Tip:** Dùng CSS (width, height) thay vì cols và rows để có thiết kế linh hoạt hơn.

34. Mục đích của thuộc tính action trong biểu mẫu HTML là gì?

Thuộc tính action xác định **URL** mà dữ liệu biểu mẫu sẽ được gửi đến khi người dùng nhấn nút **Submit**.

Ví dụ:

```
<form action="/submit-form" method="post">
    <input type="text" name="username">
     <input type="submit" value="Gửi">
</form>
```

Lưu ý: Nếu không có action, dữ liệu sẽ gửi đến chính trang đó.

35. Làm thế nào để tạo danh sách đánh số trong HTML?

Dùng thẻ (Ordered List) với các mục .

Ví du:

```
     Ai>Muc 1
     Ai>Muc 2
     Ai>Muc 3
```

✓ Tip: Có thể dùng thuộc tính type (1, A, a, I, i) để thay đổi kiểu số thứ tự.

36. Mục đích của thẻ <base> trong HTML là gì?

Thẻ <base> xác định **URL gốc** cho tất cả các liên kết tương đối trong trang web.

```
<head>
  <base href="https://www.example.com/">
  </head>
```

Khi sử dụng:

- sethanh https://www.example.com/page.html
- sethanh https://www.example.com/image.jpg

∠ưu ý: Chỉ nên có một thẻ <base> trong mỗi tài liệu HTML.

37. Làm thế nào để tạo danh sách định nghĩa trong HTML?

Dùng thẻ <dl> (**Definition List**) với <dt> (từ cần định nghĩa) và <dd> (định nghĩa).

Ví dụ:

```
<dl>
    <dt>HTML</dt>
    <dt>HTML</dt>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>

    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <dd>HyperText Markup Language</dd>
    <d
```

🚀 Lợi ích: Thích hợp để hiển thị từ điển, thuật ngữ, hoặc mô tả sản phẩm.

38. Mục đích của thuộc tính enctype trong biểu mẫu HTML là gì?

Thuộc tính enctype xác định **cách mã hóa dữ liệu** khi gửi lên server.

Các giá trị phổ biến:

Giá tri

Chức năng

application/x-www-formurlencoded

Mặc định, dùng cho dữ liệu văn bản.

multipart/form-data

Dùng khi **upload file**.

text/plain

Gửi dữ liệu dưới dạng văn bản đơn

giản.

Ví dụ upload file:

🚀 Lưu ý: Bắt buộc phải dùng multipart/form-data khi upload file.

39. Làm thế nào để tạo trường nhập ẩn trong biểu mẫu HTML?

Dùng thẻ <input type="hidden"> để lưu dữ liệu mà **người dùng không nhìn thấy** nhưng vẫn gửi lên server.

Ví du:

```
<input type="hidden" name="userID" value="12345">
```

🖋 Ứng dụng: Lưu ID, token xác thực mà không hiển thị ra giao diện.

40. Muc đích của thẻ <address> trong HTML là gì?

Thẻ <address> dùng để hiển thị thông tin liên hệ của tác giả hoặc chủ sở hữu trang web.

```
<address>
Tác giả: Nguyễn Văn A<br>
Liên hệ: <a
```

```
href="mailto:nguyenvana@example.com">nguyenvana@example.com</a><br>>
```

```
Địa chỉ: 123 Đường ABC, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam </address>
```

🖋 Lưu ý: Thường được dùng trong footer hoặc phần giới thiệu của trang web.

Các Câu Hỏi Phỏng Vấn HTML Cho Người Có Kinh Nghiệm

41. Mục đích của thẻ <canvas> trong HTML5 là gì?

Thẻ <canvas > tạo một vùng vẽ đồ họa có thể được sử dụng để hiển thị hình ảnh, biểu đồ, trò chơi, hoặc các hình ảnh động bằng JavaScript.

Ví dụ:

```
<canvas id="myCanvas" width="200" height="100"></canvas>
<script>
  let canvas = document.getElementById("myCanvas");
  let ctx = canvas.getContext("2d");
  ctx.fillStyle = "blue";
  ctx.fillRect(20, 20, 150, 75);
</script>
```

🖋 Lưu ý:

- Cần sử dụng **JavaScript** để vẽ trên <canvas>.
- Hỗ trợ đồ họa 2D (getContext("2d")) và 3D (getContext("webg1")).

42. Sự khác biệt giữa và , cũng như <i>> và là gì?

Sự khác biệt giữa và :

```
St ron a Accessibility tốt hơn).
SEO & Quan trọng với người dùng & công cụ tìm kiếm.
```

Sự khác biệt giữa <i> và :

```
Τ
h
                         Ý nghĩa
                                                                 Ứng dụng
è
<
   Làm in nghiêng văn bản, không mang ý nghĩa đặc
                                                        Trang trí, biểu thị thuật ngữ.
i
   biệt.
>
<
   Nhấn mạnh nội dung (người đọc màn hình có thể
                                                        Cần nhấn mạnh nội dung
m đọc to hơn).
                                                        trong câu.
>
```

🚀 Lời khuyên:

- Dùng và thay vì và <i> khi có ý nghĩa ngữ nghĩa.
- và <i> chủ yếu dùng để trang trí.

43. Làm thế nào để nhúng đồ họa SVG trực tiếp vào tài liệu HTML?

SVG (**Scalable Vector Graphics**) là định dạng ảnh vector, có thể nhúng trực tiếp bằng thẻ <svg>.

Ví du vẽ hình tròn màu đỏ:

```
<svg width="100" height="100">
     <circle cx="50" cy="50" r="40" stroke="black" stroke-width="3"
fill="red" />
</svg>
```

✓ Lợi ích của SVG:

Chất lượng cao, không bị mờ khi phóng to.

- Có thể chỉnh sửa bằng CSS & JavaScript.
- ☑ Nhẹ hơn so với ảnh PNG, JPG khi cần đồ họa đơn giản.

44. Thuộc tính dữ liệu (data-*) trong HTML là gì và cách sử dụng?

data-* là **thuộc tính tùy chỉnh** trong HTML, cho phép lưu trữ dữ liệu **ẩn** bên trong thẻ HTML để JavaScript có thể truy cập.

Ví dụ:

```
<div data-user-id="12345" data-role="admin">Thông tin người dùng</div>
```

★ Truy cập bằng JavaScript:

```
const div = document.querySelector('div');
console.log(div.dataset.userId); // Output: 12345
console.log(div.dataset.role); // Output: admin
```

🚀 Ứng dụng:

- ☑ Lưu trữ dữ liệu tạm thời mà không cần dùng ID hoặc class.
- ☑ Dùng trong AJAX, Vue, React, hoặc cập nhật DOM động.

45. Mục đích của thẻ <template> trong HTML là gì?

Thẻ <template> được sử dụng để định nghĩa một đoạn HTML mà không hiển thị ngay lập **tức** khi trang tải. Nó có thể được tạo và chèn vào trang bằng JavaScript.

🚀 Lợi ích:

- ▼ Tạo nội dung **động** mà không cần tải lại trang.
- ✓ Tăng hiệu suất vì **không có ảnh hưởng đến DOM** cho đến khi được chèn vào.
- Hữu ích cho **JavaScript frameworks** như Vue, React.

46. Mục đích của thuộc tính rel trong thẻ là gì?

Thuộc tính rel xác định **mối quan hệ** giữa tài liệu hiện tại và tài nguyên được liên kết.

Ví dụ phổ biến:

```
<link rel="stylesheet" href="styles.css"> <!-- Liên kết đến CSS -->
<link rel="icon" href="favicon.ico"> <!-- Định nghĩa favicon -->
<link rel="alternate" href="example.fr.html" hreflang="fr"> <!-- Trang
thay thế theo ngôn ngữ -->
```

🚀 Ứng dụng:

- SEO: rel="canonical" giúp ngăn trùng lặp nội dung.
- ☑ Bảo mật: rel="noopener" hoặc rel="nofollow" giúp kiểm soát liên kết bên ngoài.

47. Làm thế nào để chỉ định nhiều phiên bản ngôn ngữ của một trang web?

Dùng thuộc tính hreflang trong thẻ link > để chỉ định phiên bản khác của trang cho các ngôn ngữ khác nhau.

Ví du:

```
<link rel="alternate" href="example.fr.html" hreflang="fr">
<link rel="alternate" href="example.es.html" hreflang="es">
```

💋 Lợi ích:

- ☑ Tối ưu **SEO đa ngôn ngữ**, giúp Google hiển thị trang phù hợp với người dùng.
- ✓ Cải thiện trải nghiệm người dùng quốc tế.

48. Mục đích của thẻ <output> trong HTML là gì?

Thẻ <output> hiển thị **kết quả của phép tính hoặc thao tác người dùng**, thường được sử dụng trong biểu mẫu (<form>).

Ví du:

🚀 Ứng dụng:

- ☑ Hiển thị kết quả **tính toán động** mà không cần JavaScript riêng biệt.
- Tương thích với màn hình đọc, giúp cải thiện truy cập web (accessibility).

49. Làm thế nào để làm cho một phần tử HTML có thể chỉnh sửa trong trình duyệt?

Dùng thuộc tính contenteditable="true" để cho phép chỉnh sửa nội dung trực tiếp trên trình duyệt.

Ví du:

```
<div contenteditable="true">
   Đây là một div có thể chỉnh sửa. Click vào để thay đổi nội dung.
</div>
```

🚀 Ứng dụng:

- Hữu ích cho các trình soạn thảo WYSIWYG.
- Cho phép chỉnh sửa nội dung mà không cần nhập dữ liệu từ <textarea>.

50. Muc đích của thẻ <datalist> trong HTML là gì?

Thẻ <datalist> cung cấp **các tùy chọn gợi ý (autocomplete)** cho trường nhập liệu (<input>).

Ví du:

🚀 Ứng dụng:

- ☑ Tạo **autocomplete** mà không cần JavaScript.
- ☑ Cải thiện **trải nghiệm người dùng** khi nhập dữ liệu.